

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HS-ST
Ngày: 17-6- 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Sử**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Trường Hoa**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2021/TLST-HS, ngày 31/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2021/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thùy T - sinh năm 1988, tại: Hậu Giang;

Giới tính: Nữ

Tên gọi khác: không có.

Nơi cư trú: 11D15/2 đường L, khu vực 3, phường K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Phòng 4, nhà trọ H1, ấp H2, xã H3, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không

Cha: Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1962 (sống);

Mẹ: Nguyễn Thị Mỹ O, sinh năm 1961 (sống).

Anh, chị, em ruột: có 01 người sinh năm 1997

Chồng: Tưởng Văn A, sinh năm 1988

Bị cáo có 03 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bào chữa:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T: Luật sư **Phạm Thị L** – Công ty Luật TNHH X. (có mặt)

Địa chỉ: 26 đường B1, phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị hại:

1. **BH1**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 155 đường số C1 Trung tâm C2, phường C3, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

2. **BH2**

Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P1, số 20 đường P2, phường P3, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D** (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018) và ông **Trương Nguyễn Vĩnh Th** (theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2018). (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P1, số 20 đường P2, phường P3, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: 11D15/2 đường L, khu vực 3, phường K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: G/1 khu vực 3, phường K, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

3. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian cuối từ cuối năm 2017 đến tháng 3/2018 Nguyễn Thị Thùy T đã thực hiện 03 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn quận Ninh Kiều:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng cuối tháng 12/2017 bị cáo Nguyễn Thị Thùy T mượn ông Nguyễn Ngọc B (dượng của T) 01 xe mô tô biển số 65X3-4914 để làm phương tiện đi lại, lúc cho mượn xe ông B có để trong cốp yên xe 01 Giấy chứng minh nhân dân số 360553718 và Giấy phép lái xe số mang tên Nguyễn Ngọc B. Vào ngày 17/12/2017 T thuê ông Nguyễn Văn C, làm nghề lái xe mô tô khách ở bến xe 91B, phường H, T nói dối với ông C ký dùm tên B, người này là dượng của T, do ông B bệnh nên không đi ký tên để mua điện thoại trả góp được, còn tiền trả góp thì T là người trả hàng tháng cho cửa hàng và cho tiền công là 200.000 đồng. Ông C cùng T đến Cửa hàng Điện máy E, địa chỉ: số 8 đường E1, phường E2 ký tên Hợp đồng vay vốn số 3728374374 ngày 17/12/2017 tên Nguyễn Ngọc B, mua 01 điện thoại di động SAMSUNG SS J7 PRO trả góp trị giá 6.990.000 đồng, T trả trước 1.398.000 đồng, số tiền vay 5.760.000 đồng, tiền trả góp hàng tháng là 971.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 17/12/2017 đến 17/06/2018. Sau khi vay tiền mua được điện thoại xong, T không thanh toán tiền vay cho BH2 (bút lục 133).

Làm việc ông Nguyễn Văn D - Đại diện theo ủy quyền của Home Credit trình bày: Qua công tác kiểm soát nội bộ và phòng chống gian lận, Home Credit phát hiện người ký hợp đồng số 3728374374 ngày 17/12/2017 tên của ông Nguyễn Ngọc B là ông Nguyễn Văn C ký tên, Home Credit biết được vì ông C có dùng giấy tờ tên thật của ông C để vay vốn của Home Credit mua hàng trả góp nhưng không được duyệt hồ sơ vay, thông tin, hình ảnh của ông C còn lưu trữ tại công ty, cho nên ngày 16/09/2018 Home Credit đã làm đơn tố giác gửi đến Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 250/KLGD-PC09 ngày 28/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Cần Thơ kết luận: chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc B trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1- A5 so với chữ ký thực nghiệm của Nguyễn Văn C “ký tên Nguyễn Ngọc B” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra (bút lục 102).

Quá trình điều tra, ông B khai nhận: ông không có vay tiền và cũng không có ký bất kỳ hồ sơ vay tiền gì của Home Credit, ông không biết Nguyễn Văn C là ai. Về Giấy chứng minh nhân dân số 360553718 do công an TP. Cần Thơ cấp ngày 02/04/2008 và Giấy phép lái xe số L700728 do Sở giao thông vận tải TP. Cần Thơ cấp ngày 10/05/2003 thì ông có đưa cho cháu gái là Nguyễn Thị Thùy T mượn, ông có cho T mượn xe mô tô cùng Giấy đăng ký xe biển số 65X3-4914 do ông đứng tên chủ sở hữu, ngoài ra không đưa cho ai khác (bút lục 374 -375)

Tại cơ quan điều tra, ông Nguyễn Văn C khai nhận: bản thân làm nghề lái xe mô tô khách ở bến xe 91B, phường H, quận Ninh Kiều, vào khoảng tháng 12/2017 khi đang đợi khách thì Nguyễn Thị Thùy T đến nhờ ông điều khiển xe chở T đến

Cửa hàng Điện máy E, địa chỉ: số 08 đường E1, phường E2, quận Ninh Kiều để ký dùm tên B, T nói người tên B là vợ của T, do ông B bị bệnh không đi ký tên để mua điện thoại trả góp được, người tên B này ông cũng biết do ông chạy xe mô tô khách gần khu vực vợ chồng ông B buôn bán trong chợ H, nên ông tin lời T, đồng ý ký thay tên ông B để mua điện thoại trả góp, sau khi nhận điện thoại xong T trả cho ông C số tiền 200.000 đồng bao gồm tiền công chạy xe ôm và giúp T mua điện thoại trả góp. Sau đó cơ quan Công an đến nhà tìm, thì ông C mới biết là T không có đóng tiền lãi, trả tiền vay cho BH2. Cùng thời điểm trên, ngoài việc mua điện thoại, T còn nhờ ông C dùng giấy tờ cá nhân của ông tên Nguyễn Văn C đi vay trả góp mua tivi LG 43 in, T cho ông 1.000.000 đồng tiền công đi mua và hứa sẽ đóng tiền góp đầy đủ, ông đã lấy giấy tờ đến Cửa hàng Điện máy E, địa chỉ: số 43 đường Đ, phường Cửa hàng Điện máy E để vay vốn mua tivi LG 43 in giúp T, T là người nhận tivi, sau đó T không đóng tiền, Công ty TNHH TM ACS Việt Nam tìm ông đòi tiền, ông đến nhà trọ của T để đòi lại tivi, T đồng ý trả lại tivi với điều kiện ông đưa lại cho T số tiền 4.900.000 đồng (bao gồm tiền trả trước mua tivi và tiền công T đã cho trước đó), ông C đã trả cho T số tiền 4.900.000 đồng và lấy tivi trả lại cho công ty ACS Việt Nam để kết thúc hợp đồng vay vốn (bút lục 350 -353).

Quá trình điều tra, T thừa nhận hành vi đã thuê ông C ký đóng giả ông Nguyễn Ngọc B để ký hợp đồng với BH2 mua 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 PRO, trị giá 6.990.000 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho BH2 và chiếm đoạt chiếm đoạt tài sản (bút lục 516 - 519).

Vụ thứ hai: Ngày 14/02/2018 Nguyễn Thị Thùy T sử dụng giấy tờ tùy thân là giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của Võ Thị Thúy đến cửa hàng FPT, địa chỉ số 79A đường R, phường F, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, giả mạo NLQ1 ký hợp đồng vay vốn số 3800943981 với BH2 để thanh toán mua 01 điện thoại di động Samsung Note 8, trị giá 15.478.000 đồng, trả trước 4.644.000 đồng, số tiền vay 11.158.000 đồng, tiền trả góp hàng tháng là 1.871.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 14/02/2018 đến 14/08/2018 (bút lục 145-154)

Đến ngày 15/3/2018 Nguyễn Thị Thùy T tiếp tục sử dụng giấy tờ tùy thân là giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của chị Trịnh Thị Cẩm Hương đến cửa hàng FPT, địa chỉ số 198B đường 3/2, phường H, quận Ninh Kiều giả mạo NLQ2 ký hợp đồng vay vốn số 3801280149 để mua 01 điện thoại di động SAMSUNG trả góp trị giá 22.490.000 đồng, trả trước 6.747.000 đồng, số tiền vay 16.457.000 đồng, tiền trả góp hàng tháng là 2.158.000 đồng, thời hạn vay và thanh toán là chín tháng kể từ ngày ký hợp đồng (bút lục 155 -164).

Qua công tác kiểm tra, bộ phận an ninh của BH2 kiểm tra đối chiếu hồ sơ, hình ảnh phát hiện hợp đồng vay vốn số 3800943981 ngày 14/02/2018 và 3801280149 ngày 15/03/2018 có tên NLQ1 và NLQ2 là do Nguyễn Thị Thùy T giả mạo để ký, viết tên của NLQ1 và NLQ2 để vay vốn Home Credit, nên ngày 26/07/2018 Home Credit đã làm đơn tố giác Nguyễn Thị Thùy T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Home Credit tổng số tiền 30.311.659 đồng (số tiền vay của 2 hợp đồng tổng cộng là 27.615.000 đồng).

Làm việc với NLQ1 và NLQ2, cả hai người khai nhận không ký hợp đồng vay vốn của Home Credit, đồng thời giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe đã làm mất từ lâu.

Theo Kết luận giám định số 239/KLGD-PC09 ngày 23/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: (bút lục 99 - 100)

- Chữ ký mang tên NLQ2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký thực nghiệm của Nguyễn Thị Thúy T ký tên “NLQ2” trên tài liệu mẫu ký hiệu M6 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên NLQ1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Thị Thùy T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M10 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết mang tên NLQ2 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Nguyễn Thị Thùy T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M10 do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T khai nhận: vào khoảng cuối năm 2017 bị cáo đã nhặt được các loại giấy tờ tùy thân của NLQ1, NLQ2. Sau đó, T sử dụng giấy Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe của NLQ1, NLQ2 đi mua điện thoại trả góp bán lấy tiền xài, T mang giấy tờ NLQ1, NLQ2 đến cửa hàng FPT đường 3/2 phường H và đường Mậu Thân phường Cửa hàng Điện máy E vay tiền mua điện thoại, T giả làm NLQ1, NLQ2 ký tên vay vốn của BH2, sau đó bán điện thoại lấy tiền tiêu xài (bút lục 504 -506)

Vụ thứ ba: Nguyễn Thị Thùy T và BH1 là láng giềng với nhau từ năm 2016, qua trò chuyện T nói dối với BH1 là T đang kinh doanh mua bán quần áo, công việc này rất có lời (tại thời điểm này T không có công việc và cũng không có tiền), nên đã rủ BH1 đầu tư tiền kinh doanh, sau đó chiếm đoạt tiền của BH1.

Ngày 27/12/2017, T nói dối với BH1 rằng có khách hàng đặt mua 2.000 bộ quần áo, lấy 2.000 quần áo sỉ ở thành phố Hồ Chí Minh giá chỉ 34.000.000 đồng về bán lại được 50.000.000 đồng, lời 16.000.000 đồng nhưng T không có tiền lấy quần áo nếu BH1 đồng ý mua bán, T sẽ giao lô hàng trên cho BH1. BH1 tin tưởng

giao số tiền 34.000.000 đồng cho T tại phòng trọ của T thuộc phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng. Đến sáng ngày 28/12/2017 T đưa lại cho BH1 số tiền 50.000.0000 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi là 16.000.000 đồng). Nhưng thực tế, T không có đặt quần áo, T lấy tiền từ BH1 sau đó bù tiền cá nhân vào số tiền gốc 34.000.000 đồng BH1 đưa, để BH1 tin tưởng T tiếp tục bỏ tiền đầu tư mua quần áo, sau đó chiếm đoạt tiền đầu tư của của BH1.

Tiếp đến bị cáo T dùng thủ đoạn tự tạo tài khoản trên mạng xã hội Facebook với tên “chuyên sỉ Y”, sau đó giới thiệu trên mạng Facebook chuyên sỉ Y là mỗi mua quần áo của T để BH1 kết bạn (tài khoản do T tự tạo ra để lừa dối BH1) và cũng giới thiệu cho BH1 người tên Nguyễn Trần Mỹ D, có số điện thoại 0907.122.590 (số điện thoại này cũng là của bị cáo T) là chủ cỡ sở bán quần áo ở thành phố Hồ Chí Minh để BH1 mua quần áo về bán lại cho khách. Sau đó, bị cáo T sử dụng nick Facebook chuyên sỉ Y nhắn tin cho BH1 đặt mua 3.300 bộ quần áo, nên BH1 liên hệ với người tên Nguyễn Trần Mỹ Q (do T đóng giả) đặt mua số hàng trên và Q yêu cầu chuyển tiền mua quần áo cho người tên Nguyễn Ngọc P (cha ruột của T), số điện thoại 0939.549.158 qua Công ty N, nhận tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/12/2020 BH1 đến Công ty N tại phường T1, quận Ninh Kiều chuyển số tiền 70.100.000 đồng theo yêu cầu của chủ xưởng may tên Q. Sau khi BH1 gửi tiền thì T nói dối với BH1 đưa biên nhận cho T chụp hình gửi cho chủ xưởng ở thành phố Hồ Chí Minh để chủ xưởng tin tưởng giao hàng, mục đích T muốn dùng biên nhận, sau đó mượn Giấy căn cước công dân của ông Nguyễn Ngọc P (cha ruột bị cáo T) để ra Công ty N nhận lại tiền. Cùng ngày T ra Công ty N nhận lại 70.100.000 đồng.

Từ ngày 29/12/2017 đến ngày 01/01/2018, T sử dụng nhiều thuê bao điện thoại đóng giả là nhiều khách hàng ở nhiều nơi trên địa bàn thành phố Cần Thơ và Cái Lanh, mỗi ngày đặt quần áo số lượng tăng dần để BH1 chuyển tiền đặt mua quần áo của chủ xưởng may Nguyễn Trần Mỹ Q, sau đó T đến Công ty N nhận tiền.

Đến ngày 02/01/2018, T tiếp tục đóng giả khách hàng gọi điện thoại cho BH1 đặt mua quần áo, lúc này BH1 thấy tiền gọi đặt hàng càng lúc càng nhiều, nhưng khách hàng trả không được bao nhiêu, nên BH1 nghi ngờ không chuyển tiền nữa.

Tổng số tiền BH1 đưa cho T và chuyển cho Nguyễn Ngọc P qua Công ty N, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 03/01/2018 là 1.173.200.000 đồng, tổng số tiền BH1 nhận lại là 975.600.000 đồng. Số tiền T chiếm đoạt của BH1 là **197.600.000 đồng**.

Ngày 03/01/2018 BH1 đến Công ty N hỏi thì được biết tiền chi gửi cho người tên P lên thành phố Hồ Chí Minh đều được nhận tại Cần Thơ, và không có hàng hóa gì được gửi về, nên chị BH1 đến Công an phường Thới Bình trình báo sự việc.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển số 65X3-4914 số máy 001637 hiệu JOYRIDE màu bạc nâu.

- Tiền Việt Nam: 136.344.789 đồng

Cùng các loại giấy tờ cá nhân, điện thoại di động kèm nhiều thẻ sim số điện thoại, được thể hiện tại Lệnh nhập kho vật chứng số: 16 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Ninh Kiều (bút lục: 60a)

Tại Kết luận giám định số 44/KLGD-PC54 ngày 06/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Chữ ký không mang họ và tên trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký tên của Nguyễn Thị Thùy T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A8 so với chữ ký của Nguyễn Thị Thùy T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7, A8 so với chữ viết của Nguyễn Thị Thùy T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người viết ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký của Nguyễn Ngọc P trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M4 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết mang tên Nguyễn Ngọc P trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ viết của Nguyễn Ngọc P trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M4 do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, bị can Nguyễn Thị Thùy T thừa nhận hành vi dùng nhiều sim điện thoại giả khách đặt quần áo, giả chủ xưởng may, mua bán quần áo để liên hệ với BH1, nhưng thực chất không có khách hàng và cũng không có chủ xưởng may, những người này đều do T đóng giả để BH1 tin tưởng chuyển tiền mua bán quần áo với khách hàng với chủ xưởng may, sau đó T tìm cách chiếm đoạt tiền của BH1. Quá trình điều tra, T đồng ý với số tiền BH1 thống kê là 197.600.000 đồng, tuy nhiên T cho rằng trong ngày 03/01/2018 T đã trả lại cho BH1 số tiền 95.000.000 đồng, chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền 102.600.000 đồng (bút lục 510-514)

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do BH1 cung cấp cho cơ quan điều tra, các chứng từ thu giữ từ Công ty N, cùng với lời khai những người liên quan đủ căn cứ xác định T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của BH1 số tiền là 197.600.000 đồng (bút lục: 202-203; 211-224)

Ngày 18/04/2018 cơ quan điều tra xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu là ông Nguyễn Ngọc B; 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô biển số đăng ký 65X3-4914 mang tên Nguyễn Ngọc B; 01 (Một) giấy phép lái xe A1, số L700728 mang tên Nguyễn Ngọc B; 01 (Một) xe mô tô biển số 65X3-4914 màu bạc nâu (bút lục 59 - 60)

Về trách nhiệm dân sự: BH2 yêu cầu T trả tổng số tiền của 03 Hợp đồng là **36.344.789 đồng**. BH1 yêu cầu T trả số tiền **197.600.000 đồng**. Ông Nguyễn Ngọc P và bị can T đã nộp số tiền: 136.344.789 đồng để khắc phục số tiền chiếm đoạt của BH2 và BH1.

Đối với ông Nguyễn Văn C, là người được T thuê trực tiếp ký tên ông B và đi giao tiền cho chị BH1 nhiều lần, tuy nhiên do ông C không biết T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Đối với ông Nguyễn Ngọc P, giúp T ký tên nhận tiền tại Công ty N, ông P là cha ruột của bị can, ông P không biết T thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của BH1, nên không cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C, ông P với vai trò đồng phạm với bị can T.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKSNK, ngày 12 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo **Nguyễn Thị Thùy T** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về Hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, q, n, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 49 Bộ luật hình sự.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Mức hình phạt: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. (Thời gian bắt buộc chữa bệnh của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù theo quy định pháp luật).

- *Hình phạt bổ sung*: Không.

2/ Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Trả lại 01 (một) căn cước công dân số 093062000047 mang tên Nguyễn Ngọc P sinh năm 1962.

- Sung công:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiiis

+ 01(một) điện thoại di động màu đen có chữ GIGI

+ 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

- Tiêu hủy các sim điện thoại: T sử dụng có liên quan đến hành vi phạm tội (theo biên bản giao nhận vật chứng của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều)

* Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Ninh Kiều đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại ông Nguyễn Ngọc B: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số đăng ký 65X3-4914 mang tên Nguyễn Ngọc B; 01 (một) giấy phép lái xe A1, số L700728 mang tên Nguyễn Ngọc B; 01 (một) xe mô tô biển số 65X3-4914 màu bạc nâu (bút lục 59 - 60).

3/ Về trách nhiệm dân sự:

- Trả lại cho BH2 tổng số tiền của 03 Hợp đồng là 36.344.789 đồng.

- Trả lại cho BH1 số tiền 100.000.000 đồng. Ghi nhận việc chị BH1 đã nhận thêm số tiền 80.000.000 đồng. Còn lại số tiền 17.600.000 đồng, T đồng ý khắc phục cho người bị hại BH1, khi Bản án có hiệu lực.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Thống nhất với tội danh và điều khoản luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Trong quá trình điều tra bị cáo cũng không nhớ rõ đối với số tiền đã chiếm đoạt nhưng sau đó bị cáo đã thống nhất và khắc phục cho bị hại. Bị cáo trực tiếp chăm sóc ba con nhỏ, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các tình tiết nêu trên và các tình tiết đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát tranh luận: Luật sư đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp đối với Nghị quyết 02/2018, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể, bị cáo Nguyễn Thị Thùy T vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, sau khi có được giấy chứng minh của ông Nguyễn Ngọc B, bị cáo nảy sinh ý định lừa dối BH2 để chiếm đoạt tài sản nên thuê ông Nguyễn Văn C đóng giả làm ông B đến cửa hàng Điện máy xanh để mua điện thoại trả góp thông qua hình thức ký hợp đồng tín dụng với BH2, trong vụ việc này T chiếm đoạt số tiền 5.760.000 đồng. Đến tháng 02/2018, bị cáo dùng giấy chứng minh nhân dân và GPLX của NLQ1, đóng giả là NLQ1 ký vay tiền của BH2, chiếm đoạt số tiền 11.158.000 đồng, đến tháng 3/2018 bị cáo Nguyễn Thị Thùy T tiếp tục sử dụng giấy CMND và GPLX của NLQ2, đóng giả là NLQ2 ký vay và chiếm đoạt số tiền 16.457.000 đồng của BH2.

Tháng 12/2017, vì muốn chiếm đoạt tiền của BH1, bị cáo nói bị cáo kinh doanh mua bán quần áo, mời chị BH1 cùng đầu tư tiền kinh doanh, sau đó bị cáo nói dối với BH1 có khách đặt mua 2.000 bộ quần áo với giá 34.000.000 đồng nên BH1 tin tưởng đồng ý đưa tiền cho bị cáo, nhưng thực chất không có người đặt mua, mà đưa lại cho BH1 50.000.000 đồng tạo niềm tin. Tiếp theo đó, bị cáo nhiều lần đóng giả người mua hàng đặt của BH1 và yêu cầu BH1 chuyển tiền cho người nhận là cha ruột bị cáo là ông Nguyễn Ngọc P, sau đó bị cáo là người đi nhận tiền và chiếm đoạt số tiền 197.600.000 đồng. Như vậy bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối nhằm để BH1 tin tưởng rằng bị cáo là người kinh doanh mua bán quần áo mà chiếm đoạt tiền.

Như đã phân tích cho thấy tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 233.944.789 đồng, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo là có căn cứ.

Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe nhưng không tích cực lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo biết rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, cần có hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tích cực bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hơn nữa bị cáo là nữ, hiện đang nuôi 03 con nhỏ, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, gia đình có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 BLHS đối với bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Văn C, là người được T thuê trực tiếp ký tên ông B giúp T mua hàng trả góp và đi giao tiền cho BH1 nhiều lần, tuy nhiên do ông C không biết T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác; Đối với ông Nguyễn Ngọc P, giúp T ký tên nhận tiền tại Công ty N, ông P là cha ruột của bị can, ông P không biết T thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của BH1, nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với C, ông P với vai trò đồng phạm với bị cáo T.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:*

Trả lại cho BH2 tổng số tiền của 03 Hợp đồng là 36.344.789 đồng; Trả lại cho BH1 số tiền 100.000.000 đồng. Theo biên lai thu tiền ông Nguyễn Ngọc P và bị cáo T đã nộp để khắc phục số tiền chiếm đoạt của BH2 và chị BH1.

Ghi nhận việc BH1 đã nhận thêm số tiền 80.000.000 đồng. Còn lại số tiền 17.600.000 đồng, T đồng ý khắc phục cho người bị hại BH1, khi Bản án có hiệu lực.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[5] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, q, n, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Nguyễn Thị Thùy T mức án 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ vào thời gian bị cáo bắt buộc chữa bệnh từ ngày 08/10/2019 đến ngày 27/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Trả lại cho BH2 tổng số tiền của 03 Hợp đồng là 36.344.789 đồng; Trả lại cho BH1 số tiền 100.000.000 đồng. Theo các biên lai thu tiền số 005810, 005814 ngày 25/3/2021 ông Nguyễn Ngọc P và bị cáo T đã nộp để khắc phục số tiền chiếm đoạt của BH2 và BH1.

Ghi nhận việc BH1 đã nhận thêm số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) từ bị cáo T.

Bị cáo T tiếp tục trả số tiền 17.600.000 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) cho BH1.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại, nếu bị cáo không thanh toán số tiền trên thì bị cáo phải chịu lãi suất chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Trả lại 01 (một) căn cước công dân số 093062000047 mang tên Nguyễn Ngọc P sinh năm 1962.

- Tịch thu sung công:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobiistar;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen có chữ GIGI;

- + 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen;
- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

- Tiêu hủy 15 (mười lăm) sim điện thoại: T sử dụng có liên quan đến hành vi phạm tội (theo biên bản giao nhận vật chứng của Chi Cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 880.000 đồng (*tám trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Tp.CT;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- Chi cục THADS quận Ninh Kiều;
- Công An quận Ninh Kiều;
- Bị cáo, bị hại;
- NLQ, NBC;
- Lưu.

Nguyễn Quốc Sử